

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐỒ  
106 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2010

**Ở GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN / TCKT**  
VV: giải trình chênh lệch của BCTC  
trước và sau kiểm toán  
**TP. HỒ CHÍ MINH**

Số: 10656  
Giờ: Ngày 4 tháng 4 năm 11

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các quy định công bố thông tin của tổ chức đã niêm yết trên thị trường chứng khoán và Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán (AASC), Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đồ xin giải trình chênh lệch số liệu trên Báo cáo tài chính trước và sau kiểm toán như sau:

**A CHÉNH LỆCH TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

ST T	Chỉ tiêu điều chỉnh	Số liệu sau kiểm toán	Số liệu trước kiểm toán	Ghênh lệch	Lý do điều chỉnh
1	2	3	4	5	
	<b>TÀI SẢN</b>				
A	Tài sản ngắn hạn				
I	Tiền và các khoản tương đương tiền				
1	Tiền	21,803,411,970	21,960,669,229	(157,257,259)	- Điều chỉnh giảm chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản tiền gửi có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm (theo VAS 10)
III	Các khoản phải thu ngắn hạn				
1	Phải thu khách hàng	8,533,524,592	8,808,441,736	(274,917,144)	- Điều chỉnh giảm chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản phải trả khách hàng có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm (VAS 10) : 89.7931.111 - Điều chỉnh giảm do doanh thu hạch toán 02 lần
2	Trả trước cho người bán	553,682,990	537,157,587	16,525,403	- Điều chỉnh tăng do nhầm đối tượng
5	Các khoản phải thu khác	5,294,007,107	5,556,634,685	(262,627,578)	- Điều chỉnh giảm 78.295.222 do hạch toán nhầm tài khoản công nợ - Điều chỉnh giảm 184.332.364 do phân loại lại khoản mục tạm ứng (Giảm "Các khoản phải thu khác" đồng thời tăng "Tài sản ngắn hạn khác")
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(124,497,501)		(124,497,501)	- Điều chỉnh tăng do trích dự phòng phải thu khó đòi
V	Tài sản ngắn hạn khác				
4	Tài sản ngắn hạn khác	1,341,863,353	1,372,773,287	(30,909,934)	- Điều chỉnh tăng 184.332.364 do phân loại lại khoản mục tạm ứng (Giảm "Các khoản phải thu khác" đồng thời tăng "Tài sản ngắn hạn khác") - Điều chỉnh giảm tài sản ngắn hạn khác CNSG: 215.242.298
B	Tài sản dài hạn				
II	Tài sản cố định				

ST.T	Chỉ tiêu điều chỉnh	Số liệu sau kiểm toán	Số liệu trước kiểm toán	Chênh lệch	Lý do điều chỉnh
1	Tài sản cố định hữu hình	1,215,666,913,005	1,216,130,774,887		
	- Nguyên giá	1,473,112,566,174	1,473,112,566,174		
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(257,445,653,169)	(256,981,791,287)	(463,861,882)	- Trích khấu hao bổ sung năm 2010 tàu Đồng Phú
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn				
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(15,483,015,122)	(9,170,267,526)	(6,312,747,596)	- Trích bổ sung dự phòng đầu tư vào công ty liên kết
	<b>NGUỒN VỐN</b>				
A	<b>Nợ phải trả</b>				
I	<b>Nợ ngắn hạn</b>				
1	Vay và nợ ngắn hạn	124,476,704,191	126,760,842,019	(2,284,137,828)	- Điều chỉnh giảm nợ dài hạn đến hạn trả 2011 (đồng thời giảm nợ dài hạn)
2	Phải trả người bán	68,286,950,209	67,473,165,543	813,784,666	- Điều chỉnh tăng do chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục công nợ: 856.359.263 - Điều chỉnh giảm phải trả người bán CNSG: 42.574.597
3	Người mua trả tiền trước	592,253,315	7,354,987,860	(6,762,734,545)	- Điều chỉnh giảm do phân loại lại khoản mục. Tăng " Doanh thu chưa thực hiện" và giảm "Người mua trả tiền trước": 6.729.904.333 - Điều chỉnh tăng do chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm: 2.179.848 - Điều chỉnh giảm khoản mục người mua trả tiền trước: 35.010.060
4	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	2,116,897,533	2,104,622,213	12,275,320	- Tăng thuế TNCN phải nộp T11, T12 của CNSG: 14.093.500 - Giảm thuế GTGT phải nộp do giảm doanh thu của CNSG: 1.818.182
5	Phải trả người lao động	4,229,183,776	4,095,479,394	133,704,382	- Điều chỉnh tăng do hạch toán thiếu lương T12 và hạch toán thuế một số khoản giảm trừ lương
6	Chi phí phải trả	75,598,850,159	77,592,171,587	(1,993,321,428)	- Giảm chi phí lãi vay phải trả của Ngân hàng Nông nghiệp: 1.903.321.428 - Giảm chi phí lương TS do hạch toán 2 lần của CNSG: 90.000.000
9	Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	7,142,261,313	7,301,549,518	(159,288,205)	- Điều chỉnh giảm khoản phải trả, phải nộp khác CNSG: 109.228.205 - Điều chỉnh giảm khoản nhận kỳ quỹ CNSG: 50.000.000
II	<b>Nợ dài hạn</b>				
3	Phải trả dài hạn khác	50,000,000		50,000,000	- Điều chỉnh tăng khoản nhận kỳ quỹ CNSG: 50.000.000
4	Vay và nợ dài hạn	974,761,483,326	972,477,345,498	2,284,137,828	- Điều chỉnh giảm nợ dài hạn đến hạn trả 2011 (đồng thời giảm nợ dài hạn)
8	Doanh thu chưa thực hiện	6,729,904,333		6,729,904,333	- Điều chỉnh tăng do phân loại lại khoản mục. Tăng " Doanh thu chưa thực hiện" và giảm "Người mua trả tiền trước"

ST T	Chỉ tiêu điều chỉnh	Số liệu sau kiểm toán	Số liệu trước kiểm toán	Chênh lệch	Lý do điều chỉnh
B	Vốn chủ sở hữu				
I	Vốn chủ sở hữu				
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(68,354,648,851)	68,354,648,851	- Điều chỉnh tăng do kết chuyển toàn bộ chênh lệch tỷ giá do đánh giá các khoản vay dài hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(64,452,286,690)	10,336,980,179	(74,789,266,869)	Lợi nhuận thay đổi do các bút toán điều chỉnh

**B CHÉNH LỆCH TRÊN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

ST T	Chỉ tiêu điều chỉnh	Số liệu sau kiểm toán	Số liệu trước kiểm toán	Chênh lệch	Lý do điều chỉnh
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	297,392,809,339	297,522,814,840	(130,005,501)	- Điều chỉnh giảm thu nhập từ thanh lý ô tô (đồng thời điều chỉnh tăng thu nhập khác): 278.000.000 - Điều chỉnh tăng doanh thu CNSG: 147.994.499
4	Giá vốn hàng bán	194,530,884,600	193,983,310,727	547,573,873	- Điều chỉnh tăng khấu hao tàu Đông Phú năm 2010: 463.861.882 - Điều chỉnh giảm chi phí bảo hiểm tàu do phân loại lại chi phí: 125.733.801 (đồng thời điều chỉnh giảm thu nhập tài chính) - Điều chỉnh tăng chi phí CNSG: 209.447.793
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng	102,861,924,739	103,539,504,113	(677,579,374)	- Do giảm doanh thu và tăng giá vốn nêu trên
6	Doanh thu hoạt động tài chính	5,700,317,315	5,894,420,714	(194,103,399)	- Điều chỉnh giảm thu nhập tài chính do giảm chi phí bảo hiểm tàu ( đồng thời giảm giá vốn): 125.733.801 - Điều chỉnh giảm thu nhập tài chính do chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tạm ứng tàu tại thời điểm cuối năm : 74.793.281 - Điều chỉnh tăng thu nhập tài chính CNSG: 6.423.683
7	Chi phí hoạt động tài chính	179,934,786,811	106,140,101,693	73,794,684,918	- Điều chỉnh tăng 68.354.648.851 do kết chuyển toàn bộ chênh lệch tỷ giá do đánh giá các khoản vay dài hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm - Điều chỉnh tăng 6.312.747.596 do trích bổ sung dự phòng đầu tư vào công ty liên kết - Điều chỉnh giảm 1.903.321.428 do giảm chi phí lãi vay phải trả Ngân hàng Nông nghiệp - Điều chỉnh tăng 1.030.608.899 do tăng chênh lệch tỷ do đánh giá lại các khoản
	Trong đó: chi phí lãi vay	78,242,974,290	80,047,733,169		

ĐỒ

ST T	Chỉ tiêu điều chỉnh	Số liệu sau kiểm toán	Số liệu trước kiểm toán	Chênh lệch	Lý do điều chỉnh
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	16,412,765,655	16,213,766,753	198,998,902	- Điều chỉnh tăng do trích dự phòng phải thu khó đòi: 124.497.501 - Điều chỉnh tăng chi phí quản lý CNSG: 74.501.400
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(87,785,310,212)	(12,919,943,819)	(74,865,366,593)	- Do tăng giảm các khoản mục nêu trên
11	Thu nhập khác	18,363,358,280	18,035,358,280	328,000,000	- Điều chỉnh tăng thu nhập khác từ thanh lý ô tô (đồng thời điều chỉnh giảm doanh thu): 278.000.000 - Điều chỉnh tăng thu nhập từ khoản tiền bảo cọc của người mua xe ô tô CNSG: 50.000.000
12	Chi phí khác	4,893,670,621	4,641,770,347	251,900,274	- Điều chỉnh tăng do hạch toán bổ sung chi phí năm 2009- CNSG
13	Lợi nhuận khác	13,469,687,659	13,393,587,933	76,099,726	- Do tăng thu nhập khác và chi phí khác
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(74,315,622,553)	473,644,314	(74,789,266,867)	- Do tăng giảm các khoản mục nêu trên

Trong các khoản mục tăng (giảm) do điều chỉnh của kiểm toán nêu trên, Công ty xin được giải trình rõ thêm về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ như sau:

*Trong năm 2009 và năm 2010, Công ty xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009. Do đó, trên bảng cân đối kế toán quý IV-2010, các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ có gốc ngoại tệ chưa đưa vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ được thể hiện ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá" trong phần "Vốn chủ sở hữu", số tiền là: 68.354.648.851 đồng. Tuy nhiên, khi thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2010, theo khuyến cáo của Công ty kiểm toán độc lập AASC, Công ty đã lựa chọn áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" dẫn đến toàn bộ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ, tiền gửi được ghi nhận toàn bộ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ. Do đó, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010 đã thay đổi như trên.*

Trên đây là toàn bộ giải trình chênh lệch về số liệu của Báo cáo tài chính năm 2010 trước và sau kiểm toán, Công ty Cổ phần hàng hải Đông Đô xin kính báo Ủy Ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM.

*Trân trọng kính chào!*



Bùi Minh Hưng